

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TÁI ĐỊNH CƯ KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT  
THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CẦU TÂN AN VÀ ĐƯỜNG DẪN NÓI QUỐC LỘ 18,  
THÀNH PHỐ CHÍ LINH (ĐỢT 2)

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 12 năm 2024 của UBND thành phố Chí Linh)

Người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản:

- Ông (Bà) : Trần Thị Mót - Người được ủy quyền:.....
- Số điện thoại: .....
- Số CCCD/ĐD cá nhân: 030150014117 Ngày cấp: 9/5/2021 ; Nơi cấp: Cục Cảnh sát
- Địa chỉ thường trú: KDC Tường, phường Văn An, thành phố Chí Linh, tỉnh I
- Nơi ở hiện nay: KDC Tường, phường Văn An, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương

A. Về đất đai:

I. Vị trí, diện tích, loại đất, nguồn gốc đất thu hồi

| STT       | Vị trí thửa đất                                | Loại đất | Số thửa | Số tờ Bản đồ | Diện tích thu hồi thực hiện dự án (m2) | Diện tích thu hồi ảnh hưởng (m2) | Nguồn gốc đất                                 |
|-----------|------------------------------------------------|----------|---------|--------------|----------------------------------------|----------------------------------|-----------------------------------------------|
| 1         | KDC Tường, phường Văn An - Vị trí 1 (trong đề) | LUC      | 755     | 6            | 506.4                                  | 173.6                            | Đất trồng lúa (LUC) giao theo NQ03 (trong đề) |
|           |                                                | LUC      | 603     | 10           | 488.0                                  | 340.0                            |                                               |
| Tổng cộng |                                                |          |         |              | 994.40                                 | 513.60                           |                                               |

II. Các khoản bồi thường, hỗ trợ:

Đơn vị tính: VN đồng

| STT | Hạng mục                                                   | Đơn vị                                      | Số lượng | Đơn giá (đồng/m2) | Hệ số     | Thành tiền  | Ghi chú                                              |
|-----|------------------------------------------------------------|---------------------------------------------|----------|-------------------|-----------|-------------|------------------------------------------------------|
| 1   | Bồi thường đất nông nghiệp                                 |                                             |          |                   |           |             |                                                      |
|     | Đất trồng lúa (LUC) giao theo NQ03 (trong đề)              | m2                                          | 1,508.00 | 80,000            | 1.0       | 120,640,000 |                                                      |
| 2   | Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm       |                                             |          |                   |           |             |                                                      |
|     | Đất trồng lúa (LUC) giao theo NQ03 (trong đề)              | m <sup>2</sup>                              | 1,508.00 | 80,000            | 5.0       | 603,200,000 |                                                      |
| 3   | Hỗ trợ ổn định đời sống                                    | Số nhân khẩu trực tiếp sản xuất nông nghiệp | Số tháng | Đơn giá (đồng/kg) | Số kg gạo | Thành tiền  | Tỷ lệ % (DT đất thu hồi/Tổng DT đất 03 đang sử dụng) |
|     | Thu hồi từ trên 70% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng | 4                                           | 12       | 18,500            | 30        | 26,640,000  | 95.0%                                                |
|     | Cộng các khoản bồi thường, hỗ trợ đất (A=1+2+3)            |                                             |          |                   |           | 750,480,000 |                                                      |

B. Về tài sản trên đất thu hồi:

Đơn vị tính: VN đồng

| Stt                                                              | Hạng mục                                                | Đơn vị | Khối lượng | Đơn giá (đồng/m2) | Tỷ lệ BTHT (%) | Hệ số điều chỉnh | Thành Tiền  | Ghi chú |
|------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------|--------|------------|-------------------|----------------|------------------|-------------|---------|
| I                                                                | Bồi thường, hỗ trợ Cây cối hoa màu:                     |        |            |                   |                |                  |             |         |
|                                                                  | Cây lúa                                                 | m2     | 1,508.00   | 10,000            | 100%           | 1.0              | 15,080,000  |         |
|                                                                  | Cộng tiền bồi thường, hỗ trợ cây cối hoa màu (I)        |        |            |                   |                |                  | 15,080,000  |         |
| II                                                               | Bồi thường, hỗ trợ Tài sản vật kiến trúc:               |        |            |                   |                |                  |             |         |
|                                                                  | Cộng tiền bồi thường, hỗ trợ tài sản vật kiến trúc (II) |        |            |                   |                |                  | -           |         |
|                                                                  | Cộng tiền bồi thường, hỗ trợ tài sản trên đất (B=I+II)  |        |            |                   |                |                  | 15,080,000  |         |
| Tổng cộng tiền bồi thường, hỗ trợ đất và tài sản trên đất (A+B): |                                                         |        |            |                   |                |                  | 765,560,000 |         |
| Làm tròn:                                                        |                                                         |        |            |                   |                |                  | 765,560,000 |         |

(Bằng chữ: Bảy trăm sáu mươi năm triệu, năm trăm sáu mươi nghìn đồng chẵn)

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TÁI ĐỊNH CƯ KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT  
THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CẦU TÂN AN VÀ ĐƯỜNG DẪN NỐI QUỐC LỘ 18,  
THÀNH PHỐ CHÍ LINH (ĐỢT 2)

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 12 năm 2024 của UBND thành phố Chí Linh)

Người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản:

- Ông (Bà) : Nguyễn Văn Hội - Người được ủy quyền:.....
- Số điện thoại: .....
- Số CCCD/ĐD cá nhân: 030073003927 Ngày cấp: 09/05/2021; Nơi cấp: Cục Cảnh sát
- Địa chỉ thường trú: KDC Tường, phường Văn An, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương
- Nơi ở hiện nay: KDC Tường, phường Văn An, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương

A. Về đất đai:

I. Vị trí, diện tích, loại đất, nguồn gốc đất thu hồi

| STT       | Vị trí thửa đất                                | Loại đất | Số thửa | Số tờ Bản đồ | Diện tích thu hồi thực hiện dự án (m2) | Diện tích thu hồi ảnh hưởng (m2) | Nguồn gốc đất                                 |
|-----------|------------------------------------------------|----------|---------|--------------|----------------------------------------|----------------------------------|-----------------------------------------------|
| 1         | KDC Tường, phường Văn An - Vị trí 1 (trong đề) | LUC      | 606     | 10           | 328.9                                  | 223.1                            | Đất trồng lúa (LUC) giao theo NQ03 (trong đề) |
|           |                                                | LUC      | 756     | 6            | 452.0                                  | -                                |                                               |
| Tổng cộng |                                                |          |         |              | 780.90                                 | 223.10                           |                                               |

II. Các khoản bồi thường, hỗ trợ:

Đơn vị tính: VN đồng

| STT                                             | Hạng mục                                                   | Đơn vị                                      | Số lượng | Đơn giá (đồng/m2) | Hệ số     | Thành tiền  | Ghi chú                                              |
|-------------------------------------------------|------------------------------------------------------------|---------------------------------------------|----------|-------------------|-----------|-------------|------------------------------------------------------|
| 1                                               | Bồi thường đất nông nghiệp                                 |                                             |          |                   |           |             |                                                      |
|                                                 | Đất trồng lúa (LUC) giao theo NQ03 (trong đề)              | m2                                          | 1,004.00 | 80,000            | 1.0       | 80,320,000  |                                                      |
| 2                                               | Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm       |                                             |          |                   |           |             |                                                      |
|                                                 | Đất trồng lúa (LUC) giao theo NQ03 (trong đề)              | m <sup>2</sup>                              | 1,004.00 | 80,000            | 5.0       | 401,600,000 |                                                      |
| 3                                               | Hỗ trợ ổn định đời sống                                    | Số nhân khẩu trực tiếp sản xuất nông nghiệp | Số tháng | Đơn giá (đồng/kg) | Số kg gạo | Thành tiền  | Tỷ lệ % (DT đất thu hồi/Tổng DT đất 03 đang sử dụng) |
|                                                 | Thu hồi từ trên 70% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng | 3                                           | 12       | 18,500            | 30        | 19,980,000  | 95.1%                                                |
| Cộng các khoản bồi thường, hỗ trợ đất (A=1+2+3) |                                                            |                                             |          |                   |           | 501,900,000 |                                                      |

B. Về tài sản trên đất thu hồi:

Đơn vị tính: VN đồng

| Stt                                                              | Hạng mục                                  | Đơn vị | Khối lượng | Đơn giá (đồng/m2) | Tỷ lệ BTHT (%) | Hệ số điều chỉnh | Thành Tiền  | Ghi chú |
|------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------|--------|------------|-------------------|----------------|------------------|-------------|---------|
| I                                                                | Bồi thường, hỗ trợ Cây cối hoa màu:       |        |            |                   |                |                  |             |         |
|                                                                  | Cây lúa                                   | m2     | 1,004.00   | 10,000            | 100%           | 1.0              | 10,040,000  |         |
| Cộng tiền bồi thường, hỗ trợ cây cối hoa màu (I)                 |                                           |        |            |                   |                |                  | 10,040,000  |         |
| II                                                               | Bồi thường, hỗ trợ Tài sản vật kiến trúc: |        |            |                   |                |                  |             |         |
| Cộng tiền bồi thường, hỗ trợ tài sản vật kiến trúc (II)          |                                           |        |            |                   |                |                  | -           |         |
| Cộng tiền bồi thường, hỗ trợ tài sản trên đất (B=I+II)           |                                           |        |            |                   |                |                  | 10,040,000  |         |
| Tổng cộng tiền bồi thường, hỗ trợ đất và tài sản trên đất (A+B): |                                           |        |            |                   |                |                  | 511,940,000 |         |
| Làm tròn:                                                        |                                           |        |            |                   |                |                  | 511,940,000 |         |

(Bằng chữ: Năm trăm mười một triệu, chín trăm bốn mươi nghìn đồng chẵn)

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TÁI ĐỊNH CƯ KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT  
THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CẦU TÂN AN VÀ ĐƯỜNG DẪN NỘI QUỐC LỘ 18,  
THÀNH PHỐ CHÍ LINH (ĐỢT 2)

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 12 năm 2024 của UBND thành phố Chí Linh)

Người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản:

- Ông (Bà) : Nguyễn Văn Sừ - Người được ủy quyền:.....

- Số điện thoại: .....

- Số CCCD/ĐD cá nhân: 030060011157 Ngày cấp: 22/8/2022 ; Nơi cấp: Cục Cảnh sát

- Địa chỉ thường trú: KDC Tường, phường Văn An, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương

- Nơi ở hiện nay: KDC Tường, phường Văn An, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương

A. Về đất đai:

I. Vị trí, diện tích, loại đất, nguồn gốc đất thu hồi

| STT       | Vị trí thửa đất                                | Loại đất | Số thửa | Số tờ Bản đồ | Diện tích thu hồi thực hiện dự án (m2) | Diện tích thu hồi ảnh hưởng (m2) | Nguồn gốc đất                                 |
|-----------|------------------------------------------------|----------|---------|--------------|----------------------------------------|----------------------------------|-----------------------------------------------|
| 1         | KDC Tường, phường Văn An - Vị trí 1 (trong đề) | LUC      | 759     | 6            | 116.3                                  | -                                | Đất trồng lúa (LUC) giao theo NQ03 (trong đề) |
| Tổng cộng |                                                |          |         |              | 116.30                                 | -                                |                                               |

II. Các khoản bồi thường, hỗ trợ:

Đơn vị tính: VN đồng

| STT                                             | Hạng mục                                                   | Đơn vị                                      | Số lượng | Đơn giá (đồng/m2) | Hệ số     | Thành tiền | Ghi chú                                              |
|-------------------------------------------------|------------------------------------------------------------|---------------------------------------------|----------|-------------------|-----------|------------|------------------------------------------------------|
| 1                                               | Bồi thường đất nông nghiệp                                 |                                             |          |                   |           |            |                                                      |
|                                                 | Đất trồng lúa (LUC) giao theo NQ03 (trong đề)              | m2                                          | 116.30   | 80,000            | 1.0       | 9,304,000  |                                                      |
| 2                                               | Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm       |                                             |          |                   |           |            |                                                      |
|                                                 | Đất trồng lúa (LUC) giao theo NQ03 (trong đề)              | m <sup>2</sup>                              | 116.30   | 80,000            | 5.0       | 46,520,000 |                                                      |
| 3                                               | Hỗ trợ ổn định đời sống                                    | Số nhân khẩu trực tiếp sản xuất nông nghiệp | Số tháng | Đơn giá (đồng/kg) | Số kg gạo | Thành tiền | Tỷ lệ % (DT đất thu hồi/Tổng DT đất 03 đang sử dụng) |
|                                                 | Thu hồi từ dưới 30% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng | 3                                           | 3        | 18,500            | 30        | 4,995,000  | 3.0%                                                 |
| Cộng các khoản bồi thường, hỗ trợ đất (A=1+2+3) |                                                            |                                             |          |                   |           | 60,819,000 |                                                      |

B. Về tài sản trên đất thu hồi:

Đơn vị tính: VN đồng

| Stt                                                              | Hạng mục                                                | Đơn vị | Khối lượng | Đơn giá (đồng/m2) | Tỷ lệ BTHT (%) | Hệ số điều chỉnh | Thành Tiền | Ghi chú |
|------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------|--------|------------|-------------------|----------------|------------------|------------|---------|
| I                                                                | Bồi thường, hỗ trợ Cây cối hoa màu:                     |        |            |                   |                |                  |            |         |
|                                                                  | Cây lúa                                                 | m2     | 116.30     | 10,000            | 100%           | 1.0              | 1,163,000  |         |
|                                                                  | Cộng tiền bồi thường, hỗ trợ cây cối hoa màu (I)        |        |            |                   |                |                  | 1,163,000  |         |
| II                                                               | Bồi thường, hỗ trợ Tài sản vật kiến trúc:               |        |            |                   |                |                  |            |         |
|                                                                  | Cộng tiền bồi thường, hỗ trợ tài sản vật kiến trúc (II) |        |            |                   |                |                  | -          |         |
|                                                                  | Cộng tiền bồi thường, hỗ trợ tài sản trên đất (B=I+II)  |        |            |                   |                |                  | 1,163,000  |         |
| Tổng cộng tiền bồi thường, hỗ trợ đất và tài sản trên đất (A+B): |                                                         |        |            |                   |                |                  | 61,982,000 |         |
| Làm tròn:                                                        |                                                         |        |            |                   |                |                  | 61,982,000 |         |

(Bằng chữ: Sáu mươi một triệu, chín trăm tám mươi hai nghìn đồng chẵn)

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TÁI ĐỊNH CƯ KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT  
THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CẦU TÂN AN VÀ ĐƯỜNG DẪN NỐI QUỐC LỘ 18,  
THÀNH PHỐ CHÍ LINH (ĐỢT 2)

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 12 năm 2024 của UBND thành phố Chí Linh)

Người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản:

- Ông (Bà) : Nguyễn Văn Hào - Người được ủy quyền:.....

- Số điện thoại: .....

- Số CCCD/ĐD cá nhân: 030060017996 Ngày cấp: 9/5/2021 ; Nơi cấp: Cục Cảnh sát

- Địa chỉ thường trú: KDC Tường, phường Văn An, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương

- Nơi ở hiện nay: KDC Tường, phường Văn An, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương

A. Về đất đai:

I. Vị trí, diện tích, loại đất, nguồn gốc đất thu hồi

| STT       | Vị trí thửa đất                                | Loại đất | Số thửa | Số tờ Bản đồ | Diện tích thu hồi thực hiện dự án (m2) | Diện tích thu hồi ảnh hưởng (m2) | Nguồn gốc đất                                 |
|-----------|------------------------------------------------|----------|---------|--------------|----------------------------------------|----------------------------------|-----------------------------------------------|
| 1         | KDC Tường, phường Văn An - Vị trí 1 (trong đề) | LUC      | 760     | 6            | 754.0                                  | -                                | Đất trồng lúa (LUC) giao theo NQ03 (trong đề) |
| Tổng cộng |                                                |          |         |              | 754.00                                 | -                                |                                               |

II. Các khoản bồi thường, hỗ trợ:

Đơn vị tính: VN đồng

| STT                                             | Hạng mục                                                       | Đơn vị                                      | Số lượng | Đơn giá (đồng/m2) | Hệ số     | Thành tiền  | Ghi chú                                              |
|-------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------|---------------------------------------------|----------|-------------------|-----------|-------------|------------------------------------------------------|
| 1                                               | Bồi thường đất nông nghiệp                                     |                                             |          |                   |           |             |                                                      |
|                                                 | Đất trồng lúa (LUC) giao theo NQ03 (trong đề)                  | m2                                          | 754.00   | 80,000            | 1.0       | 60,320,000  |                                                      |
| 2                                               | Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm           |                                             |          |                   |           |             |                                                      |
|                                                 | Đất trồng lúa (LUC) giao theo NQ03 (trong đề)                  | m <sup>2</sup>                              | 754.00   | 80,000            | 5.0       | 301,600,000 |                                                      |
| 3                                               | Hỗ trợ ổn định đời sống                                        | Số nhân khẩu trực tiếp sản xuất nông nghiệp | Số tháng | Đơn giá (đồng/kg) | Số kg gạo | Thành tiền  | Tỷ lệ % (DT đất thu hồi/Tổng DT đất 03 đang sử dụng) |
|                                                 | Thu hồi từ 30% đến 70 % diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng | 2                                           | 6        | 18,500            | 30        | 6,660,000   | 38.8%                                                |
| Cộng các khoản bồi thường, hỗ trợ đất (A=1+2+3) |                                                                |                                             |          |                   |           | 368,580,000 |                                                      |

B. Về tài sản trên đất thu hồi:

Đơn vị tính: VN đồng

| Stt                                                              | Hạng mục                                                | Đơn vị | Khối lượng | Đơn giá (đồng/m2) | Tỷ lệ BTHT (%) | Hệ số điều chỉnh | Thành Tiền  | Ghi chú |
|------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------|--------|------------|-------------------|----------------|------------------|-------------|---------|
| I                                                                | Bồi thường, hỗ trợ Cây cối hoa màu:                     |        |            |                   |                |                  |             |         |
|                                                                  | Cây lúa                                                 | m2     | 754.00     | 10,000            | 100%           | 1.0              | 7,540,000   |         |
|                                                                  | Cộng tiền bồi thường, hỗ trợ cây cối hoa màu (I)        |        |            |                   |                |                  | 7,540,000   |         |
| II                                                               | Bồi thường, hỗ trợ Tài sản vật kiến trúc:               |        |            |                   |                |                  |             |         |
|                                                                  | Cộng tiền bồi thường, hỗ trợ tài sản vật kiến trúc (II) |        |            |                   |                |                  | -           |         |
|                                                                  | Cộng tiền bồi thường, hỗ trợ tài sản trên đất (B=I+II)  |        |            |                   |                |                  | 7,540,000   |         |
| Tổng cộng tiền bồi thường, hỗ trợ đất và tài sản trên đất (A+B): |                                                         |        |            |                   |                |                  | 376,120,000 |         |
| Làm tròn:                                                        |                                                         |        |            |                   |                |                  | 376,120,000 |         |

(Bảng chữ: Ba trăm bảy mươi sáu triệu, một trăm hai mươi nghìn đồng chẵn)

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TÁI ĐỊNH CƯ KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT  
THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CẦU TÂN AN VÀ ĐƯỜNG DẪN NỐI QUỐC LỘ 18,  
THÀNH PHỐ CHÍ LINH (ĐỢT 2)

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 12 năm 2024 của UBND thành phố Chí Linh)

Người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản:

- Ông (Bà) : Nguyễn Thị Thỏa - Người được ủy quyền:.....

- Số điện thoại: .....

- Số CCCD/ĐD cá nhân: 030157004114 Ngày cấp: 9/5/2021 ; Nơi cấp: Cục Cảnh sát

- Địa chỉ thường trú: KDC Tường, phường Văn An, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương

- Nơi ở hiện nay: KDC Tường, phường Văn An, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương

A. Về đất đai:

I. Vị trí, diện tích, loại đất, nguồn gốc đất thu hồi

| STT       | Vị trí thửa đất                                | Loại đất | Số thửa | Số tờ Bản đồ | Diện tích thu hồi thực hiện dự án (m2) | Diện tích thu hồi ảnh hưởng (m2) | Nguồn gốc đất                                 |
|-----------|------------------------------------------------|----------|---------|--------------|----------------------------------------|----------------------------------|-----------------------------------------------|
| 1         | KDC Tường, phường Văn An - Vị trí 1 (trong đề) | LUC      | 762     | 6            | 328.6                                  | 75.4                             | Đất trồng lúa (LUC) giao theo NQ03 (trong đề) |
| Tổng cộng |                                                |          |         |              | 328.60                                 | 75.40                            |                                               |

II. Các khoản bồi thường, hỗ trợ:

Đơn vị tính: VN đồng

| STT | Hạng mục                                                      | Đơn vị                                      | Số lượng | Đơn giá (đồng/m2) | Hệ số     | Thành tiền  | Ghi chú                                              |
|-----|---------------------------------------------------------------|---------------------------------------------|----------|-------------------|-----------|-------------|------------------------------------------------------|
| 1   | Bồi thường đất nông nghiệp                                    |                                             |          |                   |           |             |                                                      |
|     | Đất trồng lúa (LUC) giao theo NQ03 (trong đề)                 | m2                                          | 404.00   | 80,000            | 1.0       | 32,320,000  |                                                      |
| 2   | Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm          |                                             |          |                   |           |             |                                                      |
|     | Đất trồng lúa (LUC) giao theo NQ03 (trong đề)                 | m <sup>2</sup>                              | 404.00   | 80,000            | 5.0       | 161,600,000 |                                                      |
| 3   | Hỗ trợ ổn định đời sống                                       | Số nhân khẩu trực tiếp sản xuất nông nghiệp | Số tháng | Đơn giá (đồng/kg) | Số kg gạo | Thành tiền  | Tỷ lệ % (DT đất thu hồi/Tổng DT đất 03 đang sử dụng) |
|     | Thu hồi từ 30% đến 70% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng | 2                                           | 6        | 18,500            | 30        | 6,660,000   | 40.2%                                                |
|     | Cộng các khoản bồi thường, hỗ trợ đất (A=1+2+3)               |                                             |          |                   |           | 200,580,000 |                                                      |

B. Về tài sản trên đất thu hồi:

Đơn vị tính: VN đồng

| Stt                                                              | Hạng mục                                                | Đơn vị | Khối lượng | Đơn giá (đồng/m2) | Tỷ lệ BTHT (%) | Hệ số điều chỉnh | Thành Tiền  | Ghi chú |
|------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------|--------|------------|-------------------|----------------|------------------|-------------|---------|
| I                                                                | Bồi thường, hỗ trợ Cây cối hoa màu:                     |        |            |                   |                |                  |             |         |
|                                                                  | Cây lúa                                                 | m2     | 404.00     | 10,000            | 100%           | 1.0              | 4,040,000   |         |
|                                                                  | Cộng tiền bồi thường, hỗ trợ cây cối hoa màu (I)        |        |            |                   |                |                  | 4,040,000   |         |
| II                                                               | Bồi thường, hỗ trợ Tài sản vật kiến trúc:               |        |            |                   |                |                  |             |         |
|                                                                  | Cộng tiền bồi thường, hỗ trợ tài sản vật kiến trúc (II) |        |            |                   |                |                  | -           |         |
|                                                                  | Cộng tiền bồi thường, hỗ trợ tài sản trên đất (B=I+II)  |        |            |                   |                |                  | 4,040,000   |         |
| Tổng cộng tiền bồi thường, hỗ trợ đất và tài sản trên đất (A+B): |                                                         |        |            |                   |                |                  | 204,620,000 |         |
| Làm tròn:                                                        |                                                         |        |            |                   |                |                  | 204,620,000 |         |

(Bằng chữ: Hai trăm linh bốn triệu, sáu trăm hai mươi nghìn đồng chẵn)